

TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TƯ PHỦ Ở THỪA THIÊN HUẾ NHÌN TỪ HỆ THỐNG THẦN LINH CỦA THIÊN TIÊN THÁNH GIÁO

Tóm tắt: Tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ và nghi lễ lên đồng là một trong những hình thức sinh hoạt tín ngưỡng có sức sống mạnh mẽ trải qua nhiều bước thăng trầm của người dân vùng đất Thừa Thiên Huế. Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế có sự tiếp nhận tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Bắc cùng với những ảnh hưởng từ quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt - Chăm - Hoa và sự tham gia của vua nhà Nguyễn để hình thành nên Thiên Tiên Thánh giáo. Có thể nói, Thiên Tiên Thánh giáo là một tổ chức sinh hoạt tâm linh của miền Trung nói chung, Huế nói riêng và có những nét đặc trưng, độc đáo, mang tính khác biệt so với tín ngưỡng thờ Mẫu ở các khu vực khác trong cả nước. Sự khác biệt này có thể nhận diện được từ hệ thống thần linh trên điện thờ và các nghi lễ hầu thánh/ lên đồng. Bài viết trình bày hệ thống thần linh của Thiên Tiên Thánh giáo để làm rõ nét đặc trưng trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế.

Từ khóa: Thần linh; thờ Mẫu; Thiên Tiên Thánh giáo; Huế.

Dẫn nhập

Khi tín ngưỡng thờ Mẫu theo bước chân những người Nam tiến vào vùng đất Huế và chịu tác động từ các yếu tố địa lý, chính trị, tín ngưỡng, con người,... thì diện mạo của nó có sự thay đổi. Sự khác biệt này không chỉ biểu hiện ở nghi thức hầu thánh, trang phục, hát văn,... mà còn cả hệ thống thần linh. Tuy nhiên, nhiều tín đồ thờ Mẫu trên cả nước do chưa hiểu biết cũng như chưa nhận thức đầy đủ những khác biệt này, nên thường có những bình luận “khiếm nhã” trên một

* Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày nhận bài: 17/11/2021; Ngày biên tập: 4/3/2022; Duyệt đăng: 20/5/2022.

số trang Facebook khi có bài viết hoặc các video về hầu đồng Huế được đưa lên.

Khảo cứu các nguồn tài liệu, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, chúng tôi thấy hầu hết các nghiên cứu mới chỉ đề cập sự giao lưu tiếp biến văn hóa trong tín ngưỡng thờ Mẫu, còn về hệ thống thần linh thì chỉ ở mức độ giới thiệu một cách tổng thể chứ chưa chỉ ra nguồn gốc hình thành, danh xưng, sắc phục cũng như quyền năng của các vị thánh thuộc hệ thống Tứ phủ ở Huế. Để góp phần bổ sung sự hiểu biết về tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế cũng như những giá trị của tín ngưỡng này tại vùng đất cổ đô, chúng tôi tập trung trình bày hệ thống thần linh của Thiên Tiên Thánh giáo ở Thừa Thiên Huế. Với việc sử dụng phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phân tích, tổng hợp, so sánh và khảo sát điền dã một số điện thờ Mẫu tại Thừa Thiên Huế, bài viết phần nào làm rõ hệ thống thần linh của tín ngưỡng Thiên Tiên Thánh giáo.

1. Về tín ngưỡng Thiên Tiên Thánh giáo ở Thừa Thiên Huế

Đối với tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế, có hai địa điểm thờ phụng chính là điện Huệ Nam (điện Hòn Chén) và Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo (số 352 đường Chi Lăng, thành phố Huế). Đây được xem là hai tổ đình thờ Mẫu lớn nhất tại Huế, hai nơi này thường tổ chức lễ hội và hầu đồng vào những ngày vía lớn, còn ngày thường chỉ lo việc hương khói. Lễ hội lớn nhất được tổ chức vào tháng ba (lễ vía Mẫu) và tháng bảy (lễ thu tế tại điện Huệ Nam và Mẫu tuần du làng Hải Cát) Âm lịch hằng năm. Trong những ngày lễ lớn, tín đồ ở các tỉnh miền Bắc, Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Buôn Mê Thuột,... và đông nhất là tín đồ ở các phường xã tại Huế đổ về điện Huệ Nam trên những chiếc thuyền hình rồng, được thiết kế như một cung điện thu nhỏ gọi là những chiếc bồng. Nếu điện Huệ Nam được xem là Tổ đình chính thì Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo, hay còn gọi là Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo, là cơ sở thực hành tín ngưỡng, đóng vai trò quan trọng trong việc điều hành, quản lý cũng như tổ chức các nghi lễ của tín đồ thờ Mẫu tại miền Trung và Huế.

Danh xưng Thiên Tiên Thánh giáo có nhiều cách lý giải khác nhau. Theo Trần Đại Vinh trong *Tín ngưỡng dân gian Huế* nhận định rằng: “Thiên là huyện Thiên Bản, Tiên là làng Tiên Hương, tức thôn Vân Cát, làng An Thái, là nơi giáng trần lần thứ hai của Liễu Hạnh Công chúa. Hai chữ Thánh giáo thể hiện một nguyện vọng của Tổng hội xin thừa nhận tín ngưỡng này như một tôn giáo thiêng liêng”¹. Quan điểm khác lại cho rằng: “Thiên là nằm trong cụm danh từ Nữ Thần Thiên Y A Na (sau này được vua Đồng Khánh triều Nguyễn sắc phong Thiên Y A Na Thánh Mẫu Thượng Đẳng Thần với danh hiệu được phong tặng là Hoàng Huệ Phổ Tế Linh Bảo Diệu Thông Mặc Tướng Trung Hưng Ngọc Trần Thiên Y A Na Diễm Ngọc Phi Dực Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng Thần). Thánh giáo là nơi Thánh đường có giáo lý và có tổ chức thờ tự và truyền bá đạo Mẫu Việt Nam. Các chữ trên gộp lại thành hệ thống danh từ: Tiên Thiên Thánh Giáo Việt Nam”². Còn tín đồ thờ Mẫu nghĩ rằng, Tiên Thiên Thánh giáo là tôn giáo thờ Trời, tiên, Phật, thánh Mẫu, mà vị giáo chủ chính là Thánh Mẫu Thiên Y A Na.

Đây là một tổ chức được thành lập vào năm 1953, với tên gọi đầu tiên là Tổng Hội Thiên Tiên Thánh giáo Trung phần Việt Nam trụ sở được đặt tại Am Cây Khói lấy tên là Hội Sơn Nam, sau đó am này được nâng lên thành Phước Linh Điện ở số 223 đường Gia Hội (hiện nay ngôi đền này tọa lạc tại 11 Trần Hưng Đạo, thành phố Huế) do ông Bửu Bành làm Tổng hội trưởng. Đến tháng 9/1966, Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo Trung phần Việt Nam quyết định xây dựng một ngôi điện mới và chuyển về hoạt động tại số 252 Chi Lăng (nay số mới là 352 Chi Lăng, phường Gia Hội, thành phố Huế).

Theo tiến trình lịch sử, Hội Thiên Tiên Thánh giáo được chuyển từ Hội Sơn Nam theo Nghị định số 1981-NĐ/PC ngày 19/9/1953 của Thủ hiến Trung Việt. Đến năm 1974, Hội này tiếp tục đổi danh xưng là “Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo” theo Nghị định số 477/BNV/KS/14B ngày 27/9/1974, chính thức hoạt động ở miền Nam Việt Nam. Trong quá trình hoạt động, Tổng hội đã thành lập các tỉnh hội: Nha Trang, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đà Lạt, Đà Nẵng,... Riêng Tỉnh hội Thừa Thiên Huế đã thành lập được 48 chi hội thuộc các quận, huyện, xã, phường.

Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo nằm ở bờ bắc hạ lưu sông Hương, cách điện Hòn Chén khoảng 8km về hướng Tây Nam. Đây là một công trình kiến trúc mang tính hiện đại, thiết kế khá quy mô với hai phần rõ rệt: Tam cung (Nội cung) và Lục viện (Ngoại cảnh).

Phần Tam cung được thiết kế như một nơi thiết triều: ở tầng 2 là ban thờ Tam cung vương Mẫu (theo hướng nhìn ra ngoài) bài trí tượng Thánh Mẫu Thượng Thiên Thiên Y A Na ở giữa (mang phụng bào màu vàng), bên phải là Thánh Mẫu Thủy Cung (mang phụng bào trắng), bên trái là Thánh Mẫu Thượng Ngàn (mang phụng bào màu xanh). Hai bên tả hữu là Thập vị Quan Hoàng (sau lưng có thờ Bà Đào Hoa Công chúa Thủ điện) và Thất Thánh. Cửu Trùng đài nằm chính giữa trung tâm Thánh đường (tầng 1) bài trí tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế và ban thờ Tứ phủ Công đồng là nơi Hội đồng Thiên triều hội họp quyết định phán xét mọi việc lớn của Thánh Mẫu, Tứ phủ Công đồng. Hai hàng phía sau ban thờ Hội đồng là án thờ Thập Nhị Triều Quận (bên tả) và Thập Nhị Triều Cô (bên hữu).

Phần Lục viện (tính từ ngoài thêm Thánh đường ra đến bên sông Hương): tiến dần từ cửa chính giữa ra đến bờ sông là Trung Thiên đài, Cột cờ, Phật đài Quan Thế Âm Bồ Tát. Từ dưới bên (bờ) sông đi lên 20 mét, phía bên tả theo thứ tự có các Miếu – Dinh Phủ gồm: Miếu thờ các quan binh tướng Thủy phủ và Phủ Thượng Ngàn, bước theo hướng Nam thêm 10 mét là Lầu Chuông. Phía bên hữu cách 10 mét tính từ sông lên mặt tiền hướng Đông Bắc gồm: Miếu thờ các Tôn Cậ ngoại càn, Phủ thờ Ngũ vị Thánh Bà, Phủ Quan Thánh và Dinh Thổ Thần, đối diện với Lầu Chuông là Lầu Trống. Như vậy, hệ thống thần linh được bài trí phong phú dựa trên cơ sở thiết triều phong kiến, tạo nên sự đa dạng trong hệ thống thần linh.

Thời kì từ năm 1954-1975, các hoạt động của Hội có quy mô, nề nếp, tôn chỉ theo giáo lí, giáo luật của Hội như một tôn giáo nội đạo và được sự đồng tình ủng hộ của tín đồ rất cao. Sau ngày đất nước được thống nhất, việc phụng thờ Thánh Mẫu tại điện Huệ Nam cũng như Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo bị đình chỉ, bỏ hoang không có người trông coi. Điện Huệ Nam tạm thời do Ban Quản lí Di tích Huế trông giữ nhưng việc cúng tế thì bỏ ngỏ. Mãi đến năm những năm

1990, các tín đồ thờ Mẫu xin thành lập Ban Bảo trợ di tích điện Huệ Nam và Ban Quản lí và Vận động trùng tu – tôn tạo Thánh đường 352 Chi Lăng, việc phụng thờ hay tổ chức lễ hội mới được dần phục hồi trở lại. Cũng từ thời điểm này, hoạt động phụng sự Thánh tại đây mới được duy trì, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế, rồi nâng lên Hội Thánh Mẫu Thừa Thiên Huế.

Tháng 11/2020, Hội Thánh Mẫu Thừa Thiên Huế được Liên hiệp các hội UNESCO Việt Nam chứng nhận Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo là “Việt Nam Linh Thiêng Cổ Tự”. Và gần đây nhất, Hội Di sản Văn hóa Việt Nam ban hành quyết định thành lập Chi hội Di sản văn hóa Tín ngưỡng thờ Mẫu Thừa Thiên Huế vào ngày 19/12/2020. Đây chính là minh chứng sinh động cho sự phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Thừa Thiên Huế, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa Huế.

2. Sự hình thành hệ thống thần linh Thiên Tiên Thánh giáo ở Thừa Thiên Huế

Việt Nam nói chung, Huế nói riêng là nơi gặp gỡ các nền văn hóa của thế giới, trong đó có Trung Hoa và Champa là rõ nét nhất. Trên cơ sở tiếp xúc hai nền văn hóa này, người Việt tiếp thu có chọn lọc để bổ sung thêm nền văn hóa của dân tộc. “Sự giao lưu tiếp biến văn hóa này diễn ra trên hai phương diện: 1) Trong dân chúng hay còn gọi là dân gian; 2) Theo định hướng của nhà cầm quyền”³. “Từ hệ quả trong quá trình Nam tiến của người Việt, cũng như hiện tượng giao lưu văn hóa tất yếu trong quá trình ấy, việc thờ Mẫu ở Huế đã có những biến đổi khá sâu sắc, biểu hiện một sắc thái vừa mang tính kế thừa vừa có tính chất đặc thù của một vùng đất”⁴. Đây cũng chính là cách ứng xử văn hóa của cư dân Việt với những làn di dân nhằm xác định vị thế của người Việt tại vùng đất mới, tạo nên phong cách văn hóa khoan dung riêng của người Việt trên đất Huế.

Sự giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt - Hoa - Chăm được thể hiện rõ trong đời sống tâm linh của người Huế. Chính cái thiêng trong văn hóa tâm linh như chất xúc tác đã làm cho văn hóa Việt dung hợp một cách nhuần nhuyễn với văn hóa Trung Hoa và Champa. Sự dung hợp đó được thể hiện qua sự tiếp nhận tư tưởng các tôn giáo, các vị thần linh, nghi thức thực hành nghi lễ, kinh điển,...

Qua khảo cứu các nguồn tư liệu, tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt nói chung, Huế nói riêng được hình thành trên những “ảnh hưởng của Đạo giáo phù thủy từ Trung Quốc truyền sang, du nhập vào Việt Nam, phát triển trong thời kì Bắc thuộc và thịnh đạt trong thời kì phong kiến độc lập. Từ thần điện của Đạo giáo, tín ngưỡng thờ Mẫu và Chư vị Việt Nam chỉ tiếp thu thần vị: Quan Thánh đế quân và Tam giới Thánh Mẫu”⁵. Với việc tiếp thu văn hóa Trung Hoa, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế tiếp nhận hình tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế cùng Nam Tào, Bắc Đẩu, Quan Thánh đế quân và đặc biệt như phân tích của tác giả Trần Đại Vinh là Tam giới Thánh Mẫu, cùng những “phương thuật cầu cúng, hành lễ của đạo sĩ, pháp sư như lên đồng, dùng bùa chú yểm tà ma, trị bệnh bằng phương thuật phù thủy”⁶. Hình tượng Tam giới Thánh Mẫu sau này được người Việt tiếp thu và thay đổi danh xưng là Tam vị Thánh Mẫu tức là Mẫu Thượng Thiên cai quản vùng trời, Mẫu Thượng Ngàn cai quản vùng rừng núi và Mẫu Thủy Cung cai quản miền sông nước. Sau này, khi tín ngưỡng này truyền vào đất Huế thì xuất hiện thêm danh xưng: Mẫu Trung Thiên cai quản cõi đất, con người. Tuy là tín ngưỡng tôn sùng các vị nữ thần, nhưng ra đời trong chế độ phong kiến, với tư tưởng trọng nam khinh nữ, thì nam thần vẫn đứng đầu mà Ngọc Hoàng Thượng Đế trở thành vị thần tối cao trong tín ngưỡng này. Không phải vô cớ thời gian bắt đầu của nghi lễ Khai bàn – một trong những nghi thức quan trọng, được xem là hồi trống khai hội báo hiệu sự bắt đầu trong hoạt động thờ Mẫu ở Huế được tổ chức bắt đầu từ ngày 9 tháng giêng âm lịch, vì đây là ngày vía của Ngọc Hoàng Thượng Đế. Bên cạnh Ngọc Hoàng Thượng Đế thì Vua Cha Bát Hải Động Đình là vị nam thần có quyền uy lớn thứ hai, được thờ phổ biến ở miền Bắc và vùng Huế.

Khác với miền Bắc, ngoài các ban thờ Thánh Mẫu và Hội đồng Chư vị, còn có ban thờ Đức Trần triều, đứng đầu là Trần Hưng Đạo, ở Huế lại thờ Quan Thánh đế quân⁷. Mặc dù Quan Thánh đế quân được cộng đồng người Hoa thờ tại các hội quán nhưng trong quá trình tiếp xúc văn hóa, đặc biệt là sự truyền bá phái thiền Lâm Tế ở vùng đất Đàng Trong thì “Tổ Nguyên Thiệu..., lập một tiền điện tại chùa (Hà Trung - TĐV) để thờ Quan Công, với bức tượng thờ bằng đá trắng

mang từ Trung Quốc về, là dấu hiệu cụ thể sớm chứng tỏ rằng vị tổ người Trung Quốc này ít ra cũng là một trong những người đầu tiên chính thức hóa việc thờ tự Quan Công trong chùa tại Huế⁸. Từ đó, tín ngưỡng thờ Quan Công bắt đầu lan truyền đến các chùa khác và sau này được đưa vào phối thờ tại các điện, đền, am, cảnh, tiêu biểu là điện Huệ Nam (điện Hòn Chén). Tại điện Huệ Nam và nhiều nơi khác, ban thờ thần tượng Quan Thánh để quân được phối thờ với Quan Bình, Châu Xương, ngựa xích thố, thanh long đao, với các bản kinh Giác Thể Chân Kinh, Quan Đế Minh Thánh Chân Kinh.

Tiếp biến văn hóa Champa là sự tiếp nhận hình tượng Mẹ Xứ sở Poh Inur Nagar, diễn ra từ quá trình Nam tiến dưới thời các chúa Nguyễn cho đến các vua Nguyễn, từng bước chuyển hóa Nữ thần Chăm thành vị Thánh Mẫu của người Việt. Trong buổi đầu mở đất tại Thuận – Quảng, tín ngưỡng như một nhu cầu cấp thiết, là chỗ dựa tinh thần không thể thiếu để chống lại tai ách ở một chốn lạ lẫm và đầy thách thức; nơi mà những người tiên phong nghe con chim cũng sợ - con cá vùng cũng lo⁹. Vì thế, những người Việt rời xa quê hương để sinh cơ lập nghiệp đã mang theo truyền thống văn hóa địa phương đến vùng đất mới, trong đó có cả việc phụng thờ các vị nữ thần. Và khi đến đây, Poh Inur Nagar với “những kỳ tích trong truyền thuyết, được truyền tụng từ người dân láng giềng, là vị nữ thần đã dạy cho dân trồng lúa, dệt vải, cứu giúp mọi người khi gặp điều khốn khó, điều hòa mưa nắng, hộ quốc an dân; ý nghĩa cũng như thiên chức ấy sớm gây ấn tượng và dễ đi vào lòng của những lớp người cùng tồn tại trên loại hình nông nghiệp trồng lúa, từ lâu đã có cuộc sống định cư nhưng cũng gặp những bất trắc, đe dọa từ thiên nhiên”¹⁰, nên người Việt đã dung hợp với tục thờ nữ thần, mẫu thần để thờ phụng theo cách của mình với danh xưng là Thiên Y A Na.

Tuy nhiên, việc người Việt tiếp nhận hình tượng Poh Inur Nagar để sau đó Việt hóa thành hình tượng Thiên Y A Na như ngày nay phải là một quá trình lâu dài, mà sớm nhất có lẽ là từ năm 1069, dưới thời nhà Lý và trở thành vị thần uy linh bao trùm cả kinh đô Thăng Long. Từ sau cuộc hôn nhân giữa Huyền Trân Công chúa với quốc vương Champa là Jaya Simhavarman III (tức Chế Mân) ở thế kỉ XIV, vùng

đất Nam Quảng Trị, Thừa Thiên và Bắc Quảng Nam – Đà Nẵng thuộc chủ quyền của Đại Việt, từ đây tạo điều kiện cho sự hội nhập Bà Mẹ Xứ sở của người Chăm vào tâm thức người Việt được mạnh mẽ hơn. “Trong tiến trình lịch sử, vị nữ thần Chăm tiếp tục hội nhập vào hệ thống thần linh Việt ở các mức độ và nhiều cách thức khác nhau theo từng tọa độ địa lí - lịch sử, trải từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XIX suốt từ hai châu Ô, Lý đến Huế, Nam Trung Bộ, Nha Trang và tận vùng đất mới khai phá ở phương Nam với những tên gọi khác nhau: Thần Y – Na, Chúa Ngọc, Chúa Tiên, Thiên Y A Na, Bà Chúa Xứ”¹¹. Mặt khác, sự chuyển đổi danh xưng từ Poh Inur Nagar của người Chăm thành tên Thiên Y A Na của người Việt đã được phản ánh trong các sắc phong thần của triều Nguyễn với những thần hiệu cao quý, như: “Ngọc Trấn Sơn Từ Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc Tôn Thần” (thời vua Minh Mạng), “Ngọc Trấn Sơn Từ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi nguyên tằng Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Thượng Đẳng Thần” (thời vua Tự Đức),... và đặc biệt đến thời vua Đồng Khánh, sự bé tấc về quyền lực chính trị và sự cam chịu đã tạo cho nhà vua một xu hướng sùng bái Thánh Mẫu, mà biểu hiện rõ nét nhất là nhà vua tự nhận mình là đệ tử của Mẫu, xếp vào vị thánh thứ bảy trong hàng thất thánh¹². Đến đây, người Việt không chỉ thừa nhận Mẫu Thiên Y A Na là vị thần bảo trợ của người Việt, mà còn xem Bà là vị thần chủ của tín ngưỡng thờ Mẫu tại Huế và vùng duyên hải Nam Trung Bộ, mà trung tâm là điện Huệ Nam (điện Hòn Chén)¹³. Việc tôn sùng Thánh Mẫu Thiên Y A Na làm vị thần chủ trong tín ngưỡng thờ Mẫu tại Huế đã kéo theo chư vị thần linh cũng có sự khác biệt so với miền Bắc.

Như vậy, trên nền tảng văn hóa truyền thống của người Việt cùng sự ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và Champa, tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng Huế đã có sự biến đổi nhất định, mà hệ thống chư vị thần linh là một ví dụ điển hình. Đây cũng chính là nét độc đáo, đặc trưng văn hóa thờ Mẫu ở Huế, tạo nên bản sắc riêng mà không nơi nào có được.

3. Về chư vị thần linh trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Thừa Thiên Huế

Tại Thừa Thiên Huế, tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ mang một màu sắc mới bởi hệ thống thần linh được phân lập trong bốn cõi: Thượng

Thiên, Thượng Ngàn, Trung Thiên, Thủy Phủ, còn gọi là Tứ phủ Công đồng, trong khi ở miền Bắc chỉ là Tam phủ¹⁴. Về tên gọi Tứ phủ Công đồng, theo lí giải của Hưng Thế Nguyên: “Là công đồng chư Thánh trong bốn phủ; Công đồng này gồm có Hội đồng các Quan, Hội đồng các Châu, Hội đồng các Ông Hoàng, Hội đồng các Cô, Hội đồng các Cậu. Mỗi Hội đồng có mười hai vị Thánh, oai lực bao trùm khắp âm dương giới”¹⁵. Cũng trong tài liệu của Hưng Thế Nguyên, Tứ phủ khác với Tam phủ ở điểm: “Tứ phủ gồm 4 phủ: Trời, Rừng núi, Sông bể và Đất cát (thổ địa). Cai quản mỗi phủ vẫn là Vương Mẫu và phủ của ngài là Địa phủ. So với Tam phủ thì có thêm một phủ. Ngoài ra, Tứ phủ còn có công đồng các Thánh, gọi là Tứ phủ công đồng”¹⁶. Khi tín ngưỡng này truyền đến Huế, tín ngưỡng thờ Mẫu đã phân lập Thiên phủ thành hai cõi: Thượng Thiên và Trung Thiên¹⁷. Tương ứng mỗi phủ là một vị thánh mẫu cai quản và có kết cấu như một triều đình có đế vương, có thánh mẫu, có chư vị quan lớn, có các hoàng tử, công chúa, khâm sai, giám sát, có quan văn, quan võ. Điểm đặc biệt là mặc dù tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế và miền Bắc đều tôn sùng các vị thánh mẫu, nhưng ở Huế vị thần chủ không phải là Vân Hương Thánh Mẫu mà lại là Thiên Y A Na Thánh Mẫu.

Ở cõi Thượng Thiên, đứng đầu là Thiên Y A Na¹⁸ Thánh Mẫu, Vân Hương Thánh Mẫu cùng nhị vị Quỳnh Hoa và Quế Hoa. Dưới sự cai quản của các vị Thánh Mẫu là Chư vị Quan lớn (Lục vị Tôn Ông) mà lớn nhất là Quan lớn Đệ nhất Thượng Thiên, Đệ nhị Thượng Thiên và Đệ tam Giám sát Thượng Thiên kiêm chi Tứ phủ Công đồng. Quan lớn Đệ nhất Thượng Thiên trong trang phục áo gấm màu đỏ, có thêu hình rồng đỏ nổi trên những vân mây, tay áo phải rộng kiểu lễ phục Thiên triều, hia đỏ mũi nhọn, đai thắt lưng có nạm ngọc. Khi về đồng, Ngài¹⁹ sẽ xông trầm niêm hương thỉnh mời Thánh Mẫu an tọa và chứng lễ, ở một số điện lớn như Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo và điện Huệ Nam thì Ngài còn thực hiện nghi thức “khai ấn” vào dịp đầu năm trong lễ Khai bàn. Ngài ít khi về đồng vì Ngài đã đi tu, nếu Ngài ngự đồng chỉ trong dịp Khai bàn đầu năm hoặc tiệc thánh vào tháng ba và tháng bảy âm lịch, do đó, trong các buổi lễ chỉ có Quan lớn Đệ nhị Thượng Thiên về chứng đàn lễ. Một trong nét đặc trưng trong thực hành nghi lễ

hầu Thánh ở Huế, mà bắt đầu từ giá đồng Quan lớn Đệ nhị Thượng Thiên là ở mỗi ban thờ để một tờ giấy lệnh màu vàng nhỏ để ghi kí hiệu của các Thánh khi về ngự đồng và nó “được xem như một ‘biên bản buổi họp’, chư vị Thần linh đã chứng đàn”²⁰.

Trong hệ thống thần linh tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế, Quan lớn Đệ nhị Thượng Thiên là vị thánh có vai trò quan trọng, vì nếu khóa lễ mà không có sự chứng minh của Ngài thì coi như chưa có sự chứng giám của Hội đồng Thiên triều. Quyền uy của Quan là vô song, thần thông, văn võ toàn tài, được lệnh khâm sai kiêm cả Tứ phủ. Quan về đồng khoan thai lễ nhạc, đạo mạo với sắc phục màu vàng. Đội khăn đóng vàng, mang áo gấm màu vàng thêu rồng nổi, tay áo rộng, hia vàng mũi nhọn, tay cầm thanh long đao, lưng giắt bảo kiếm Mẫu ban. Về quyền uy của Quan lớn Đệ nhất và Quan lớn Đệ nhị Thượng Thiên được ghi như sau:

“Tôn Ông Đệ Nhất cao minh chính trực

Bẩm sinh thành tứ chất tinh anh

Tôn Ông tính khởi hòa lành

Tư thông nét hạnh, trời sinh khác thường

Khi biến hóa, thần thông diệu phép

Cứu trần gian, tạm diệt tà tinh

Quan Đệ Nhị anh tài tuấn kiệt

Quản sơn hà, lẫm liệt oai phong

Tam thiên thế giới linh thông

Kim môn ngọc điện, sắc rồng quyền cai

Phép đức Ông, đâu đâu cũng phục

Ra oai thần, chống một điều kinh

Khi vào châu lệnh thiên đình

Đường đường một đấng, thông minh hơn người”

(*Văn Quan Đệ Nhất và Đệ Nhị Thượng Thiên* do tác giả sưu tầm và ghi chép).

Vị thánh thứ ba thuộc hàng Lục vị Tôn Ông là Quan lớn Đệ tam Giám sát Thượng Thiên kiêm chi Tứ phủ. Ngài là một vị võ tướng và quan tiên phong trong tín ngưỡng thờ Mẫu, được vua Mẫu ban dây thần thông dài ba thước. Lễ phục của Ngài khi ngự đồng là đội khăn đóng màu đỏ, mặc áo gấm màu đỏ thêu kì lân hoặc rồng nổi, đi hia mũi nhọn và thắt đai lưng màu đỏ. Dây thần thông được vắt chéo từ cổ xuống, tay cầm thanh long đao.

Về cõi Thượng Ngàn: Thượng Ngàn Thánh Mẫu cai quản cõi Thượng Ngàn. Mẫu mang sắc phục màu xanh lá cây, màu của núi rừng. Dưới là Nhị vị Thượng Ngàn Quan lớn (Quan Đệ nhất và Đệ nhị Thượng Ngàn), Thập nhị thiên tướng, Ngũ hổ mãnh tướng, Ông Bảy Thượng Ngàn, Ông Chín Thượng Ngàn, chư vị thánh Cô Thượng Ngàn (Cô Đôi, Cô Sáu, Cô Bảy, Cô Tám, Cô Chín, Cô Bé,...). Các ban thờ Thượng Ngàn thường mang dáng dấp các động có núi rừng, cây cỏ, các loài động vật như voi, ngựa, hổ, rắn, chim,...

Về cõi Trung Thiên: Cai quản cõi này là Mẫu Địa Cảnh Trung Thiên hay Mẫu Trung Thiên. Đối với người theo tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế, cõi Trung Thiên giữ một vai trò hết sức quan trọng, vì Mẫu Trung Thiên là “vị thần chủ quản việc trường thọ, tức liên quan đến việc thọ yếu của con người”²¹. Dưới quyền của Mẫu Trung Thiên là Ngũ vị Thánh Bà (Năm Bà Ngũ Hành). Đứng đầu là Đức Châu Tam Động Hòa Phong Thần Nữ. Khi ngự đồng, Bà mặc phụng bào màu đỏ, cổ đeo tràng hạt, tay cầm bó đuốc tượng trưng cho sự sáng láng, trí tuệ. Tại các buổi hầu đồng, Bà sẽ đại diện cho cõi Trung Thiên để chứng sớ và quan trọng hơn cả trong nghi thức trình đồng (lễ quy y Thánh Mẫu) là Bà sẽ phủ khăn sang bóng chính thức cho một đệ tử đi theo cửa Thánh, phụng sự ơn trên.

Đứng thứ hai là Đức Châu Ngoại Mộc Tinh Chúa Lá. Khi ngự đồng, Bà mặc áo phụng bào màu xanh, tay múa cành lá. Mặc dù vị trí của Bà đứng thứ hai trong năm Bà, nhưng về sự cai quản, giám sát cõi Trung Thiên thì Đức Châu Ngoại lại có quyền hành rất lớn. Đối với các lễ ngoại cảnh, cất duyên âm thì phải mời Đức Châu Ngoại hạ lệnh thì các Cô, Cậu ngoại mới được quyền về nhận lễ. Quyền năng và phép linh của Đức Châu Ngoại được ghi như sau:

“Dầu hiền hách, anh linh còn tạc
 Khắp các miền hải giác sơn gai
 Chữ tau chữ quận trong ngoài
 Đâu đâu đều cũng kêu oai đức Bà
 Ai mắc phải, tay bà quyết quả
 Xin đức Bà, hỉ xả từ bi
 Bà làm những bệnh hiểm nguy
 Tâm thành bất định, tứ chi diệt hàn
 Ai biết Bà, vái van cầu nguyện
 Xin Đức Bà, ứng kiện giùm cho”

(*Văn Đức Châu Ngoai cảnh Tiên nương* do tác giả sưu tầm và ghi chép lại).

Tiếp đến là Đức Bạch Kim Tinh Thần Nữ hay còn gọi là Đức Châu Bạch Ba Công chúa với áo phụng bào màu trắng, tay múa mỗi lửa lúc về đồng. Nếu các Thánh Bà trên cai quản vùng đất thì Đức Châu Đệ Tứ Thủy Cung Thần Nữ lại trấn giữ cõi sông nước. Khi về đồng, Đệ Tứ Thủy Cung mặc phụng bào màu vàng, đôi tay múa mỗi hoặc quạt. Trong nghi lễ Thành – một nghi thức cầu an của người phụ nữ Huế, Bà có trọng trách quan trọng là chuyển giá bốn mạng²² và ban phép cho giới nữ. Vì thế, khi đề cao vai trò của Bà, các cung văn đã ca ngợi rằng:

“Ai có lòng, biết phép lại tha
 Lòng biết phép, dâng Bà tuần thủy
 Bà ra tay lục trí thần thông
 Cứu thiên tam giới công đồng
 Cấp lai giáng hạ, điện trung hộ trì”.

(*Văn Châu Đệ Tứ Thủy cung Thần Nữ* do tác giả sưu tầm và ghi chép lại).

Bà thứ năm là Đức Châu Thổ Tinh Lục Động Thượng Ngàn Thần Nữ, hay còn có danh xưng khác là Chúa Động Thượng Ngàn, mà người Huế hay gọi là Đức Mụ. Nếu bốn Thánh Bà vừa đề cập trên là

dân tộc Kinh, thì Chúa Động Thượng Ngàn là người dân tộc ít người vùng cao. Một đặc trưng trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế có điểm tương đồng với miền Bắc là cội Thượng Ngàn (Nhạc Phủ) được biểu trưng bằng hang động núi nhân tạo và được bài trí ở ngoài cung Hội đồng. Qua khảo sát các buổi lễ hầu đồng ở Huế, chúng tôi nhận thấy hát văn về Chúa Động Thượng Ngàn đều hát văn của Châu Đệ Nhị Thượng Ngàn theo lối Bắc. Không rõ đó là sự nhầm lẫn hay bài hát văn này được sử dụng cho cả hai giá châu này.

Gắn liền với cội Trung Thiên là chư vị ngoại cảnh với các Cậu, các Cô ngoại cảnh, khâm sai. Cội Trung Thiên có Lục phủ Thánh Cậu, Thập nhị Cậu ngoại, Thập nhị Cô Chư tiên, Khâm sai, chư vị thánh Cô Ngoại cảnh. Mười ông Hoàng cũng được xếp vào cội này. Khi về đồng, các ông Hoàng có vai trò mở kho tài lộc để giúp các đệ tử của Mẫu sẽ có nhiều tiền tài trong cuộc sống, được mua may bán đất.

Về cội Thủy phủ: Đứng đầu là Vua Cha Bát Hải Động Đình, Thủy Cung Xích Lân Long Nữ Thánh Mẫu, Nhị vị Quan Lớn Thủy Cung (Quan Đệ Ngũ Long vương và Quan Đệ Tam Thủy phủ). Ở một số đền, Mẫu Thủy Cung được thờ cùng Nhị vị Quan lớn trên một cung thờ, hoặc có khi là Bà Đệ tứ Thủy Cung cùng Cậu Ba Thủy phủ và Cô Ba Thủy phủ, Cô Chín suối, ngoài ra còn có Quan Đốc binh, Thập vị Thủy tể Tôn ông (cũng gọi là Mười ông Hoàng), Hà Bá Thủy quan,...

Với đạo lí uống nước nhớ nguồn, tri ân những người có công khai mở đất đai thì những người thờ Mẫu còn thờ Ngài Chiêm Thành, Bà Chiêm Thành là những vị thánh nguyên gốc là người Chăm từng sống trên mảnh đất mà họ đang sinh cơ lập nghiệp. Và hầu hết mọi người dân Huế, không chỉ riêng người thờ Mẫu, phụng thờ Cậu Ngoại Khuôn Viên hay Cô Ngoại Khuôn Viên. Đây là những người từng sinh sống trên mảnh đất mà họ đang sống, nhưng đã mất nên hóa thánh. Đây là tư tưởng nhân văn hướng tới sự tri ân công lao của các bậc tiền bối đã có công khai mở những mảnh đất này.

4. Bản sắc của Thiên Tiên Thánh giáo

Như trên đã trình bày, hệ thống thần linh của Thiên Tiên Thánh giáo có phần giống với miền Bắc, chỉ khác là ngôi vị thần chủ là Thiên Y A Na Thánh Mẫu, chứ không phải là Vân Hương Thánh

Mẫu. Sự thay đổi ngôi vị thần chủ này được bắt nguồn từ những quyền năng của Bà được xác lập ngay trong buổi đầu Nam tiến của dân tộc và sự công nhận “Thượng đẳng thần” cùng các mi tự được ban tặng, như: Hoằng Huệ, Phổ Tế, Linh Cảm, Diệu Thông, Mặc Tướng, Trang Huy của nhà Nguyễn qua các sắc phong thần. Hiện nay, trên đất Huế chỉ có hai nơi thờ Thánh Mẫu Vân Hương: một là, điện Huệ Nam ở dạng phối thờ với Mẫu Thiên Y A Na do Bà Từ Cung (mẹ vua Bảo Đại) ra Bắc để thỉnh thần vị của Mẫu cùng hai thị giả Quỳnh Hoa, Quế Hoa (thờ ở hàng thứ hai, thấp hơn ban thờ Mẫu Thiên Y A Na tại Minh Kính Đài Đế Nhất Cung), nơi còn lại là điện Phổ Hóa²³ trên đường Bùi Thị Xuân.

Nếu như ở miền Bắc, Vân Hương Thánh Mẫu vừa cai quản cõi Thượng Thiên vừa là hóa thân Địa Tiên Thánh Mẫu thì ở Huế Thiên Y A Na Thánh Mẫu là Mẫu Thượng Thiên, còn Mẫu Địa là Mẫu Trung Thiên, vì thế nên được gọi là Tứ phủ. Có thể nói, những khác biệt về bối cảnh lịch sử, địa văn hóa, mà khi tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Bắc truyền đến Huế đã có sự thay đổi về tên gọi, tuy nhiên về bản chất cũng như màu sắc các phủ cũng không có sự khác biệt. Màu đỏ vẫn là biểu tượng của cõi Thượng Thiên (Thiên phủ), màu vàng là cõi Trung Thiên, màu xanh là cõi Thượng Ngàn (Nhạc phủ), màu trắng là miền sông nước (Thoải/Thủy phủ). Tuy nhiên, Thánh Mẫu Thiên Y A Na được chúa Nguyễn tôn kính và về sau nhiều người trong hoàng tộc thờ phụng Thánh Mẫu, lập ban thờ Mẫu tại các phủ đệ của mình nên đôi khi tượng Mẫu mang sắc phục vàng – màu biểu tượng của vua chúa.

Dưới Tam Tòa Thánh Mẫu và có quyền năng rất lớn, chi phối, điều hành Hội đồng Thiên triều là Ngũ vị Thánh Bà và Lục vị Tôn Ông. Có thể nói, những danh xưng “Ngũ vị Thánh Bà” và “Lục vị Tôn Ông” là những tên gọi mang tính địa phương, nhưng có sự tương đồng với các vị thánh được thờ trong điện thờ Mẫu ở miền Bắc, như: Tứ vị Châu Bà và Ngũ vị Quan lớn. Đó cũng chính là những vị thần linh chính được thờ trong chính cung, còn các thánh Cô, thánh Cậu, Ông Chín, Ông Chiêm Thành, ông Hoàng sẽ được thờ ở khu vực ngoài cung. Như vậy, hệ thống thần linh của Thiên Tiên Thánh giáo được xây dựng trên

hai đặc điểm cơ bản đó là sự phân lập theo bốn cõi (Tứ phủ): Thượng Thiên, Thượng Ngàn, Trung Thiên và Thủy Phủ; theo trật tự Tam cung, Lục viện của triều đình.

Một nét đặc trưng trong văn hóa thờ Mẫu ở Huế dễ nhận thấy nữa là sự tích các Thánh không có gốc tích rõ ràng như ở miền Bắc, nếu có đề cập thì khá mơ hồ là “vốn xưa” ở cõi Thượng Thiên, hay Thủy Cung chốn ấy quê nhà,... Nội dung các bản văn châu ở Huế chỉ đề cập đến hai vấn đề: một là quyền năng của thánh; hai là sự vân du, vui chơi khắp mọi miền để cứu nhân độ thế. Nguyên nhân của hiện tượng này có thể lý giải là tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ cũng như Chư vị thần linh của Thiên Tiên Thánh giáo ở Huế chỉ là một dạng tín ngưỡng có nguồn gốc từ miền Bắc theo dòng người Nam tiến được dung hợp thêm một số đối tượng thờ cúng và làm biến đổi tín ngưỡng này chứ không phải là cái nôi như đất Bắc. Mặt khác, dưới thời vua Nguyễn, Huế là kinh đô của cả nước, là đất thần kinh vua ngự nên các tiên thánh hẳn nhiên sẽ hiển linh, giáng thế vào đây. Như vậy, ở miền Bắc mới là nơi giáng sinh của các Mẫu và Chư vị, còn Huế là nơi quy tụ các vị về đây, họ vân du để cứu dân độ thế (hộ quốc tỵ dân). Vì thế, mà các bản văn châu chỉ đề cập đến sắc diện, dáng vẻ, quyền năng và sự chu du khắp mọi miền của các thánh, chứ hoàn toàn không nói đến quê hương, gốc tích như ở vùng Bắc Bộ. Điều này khá rõ trong một số bản văn châu của các Thánh Bà, các Cậu, các Cô, ví dụ, trong *Văn Bà Tam Động Hóa Phong Thần Nữ* có đoạn:

“Thú hữu duyên đã nên thanh lịch,
Chôn kinh kì mặc thích rong chơi.
Đạo thánh thời, tay đàn miệng hát,
Tiếng tơ đồng, thanh thót xa bay.
Rượu quỳnh giả tỉnh giả say,
Tuần sơ tuần á, chén đầy chén vui.
Khi gián hạ, sang chơi tỉnh Bắc,
Cùng các nường, quen biết lân la”

(*Văn Châu Tam Động Hóa Phong Thần Nữ* do tác giả sưu tầm và ghi chép).

Hay trong *Văn Cô Ba Ngoại Cảnh*:

“Tiếng Cô hiền, nơi nơi điều phục,

Cô ngự đồng, ca khúc chén tiên.

Dạo chơi sơn thủy các miền,

Khi nghe bá nhạc, quản huyền tiêu dao.

Chốn trúc lạnh, cô ra vào giấy lát,

Hiệp bàn tiên, xướng hát đàn ca.

Dạo chơi Hòn Én, Hòn Gà,

Đại An núi Chúa, Cô qua châu hầu.

Khi Cô dạo, nam lâu bắc điện,

Tìm trăm hoa, cung hiến tòa chương”.

(*Văn Cô Ba Ngoại cảnh* do tác giả sưu tầm và ghi chép).

Một trong những đặc điểm nổi bật của hệ thống thần linh của Thiên Tiên Thánh giáo là mang tính địa phương, bản địa hóa qua các vị thần cai quản đất đai từ thời Champa đến khi có người Việt đến đây khai phá. Đó là những Ông Chiêm Thành, Bà Chiêm Thành, Cậu Ngoại Khuôn Viên, Cô Ngoại Khuôn Viên. Thực chất, những vị thánh này không rõ danh tính, cũng không biết là xuất xứ đâu, mà chỉ được gọi bởi những danh hiệu mang tính “phiếm xưng”.

Có thể nói, từ ngôi vị thần chủ là Đức Thiên Y A Na Thánh Mẫu cho đến hệ thống thần linh của Thiên Tiên Thánh giáo, nghi thức hầu đồng đều hoàn toàn có sự khác biệt so với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Bắc Bộ và Nam Bộ. Tuy nằm trong dòng chảy của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam nhưng do điều kiện tự nhiên, lịch sử, sự giao lưu văn hóa mà tín ngưỡng này khi có mặt tại Huế đã có sự biến đổi và tạo nên sự khác biệt nhất định. Đó cũng chính là những đặc trưng của Thiên Tiên Thánh giáo, vừa có nét chung của dạng thức thờ Mẫu Việt Nam, nhưng cũng mang những nét riêng, đậm dấu ấn văn hóa Huế.

Kết luận

Hệ thống thần linh trong tín ngưỡng Thiên Tiên Thánh giáo rất phong phú và đa dạng, cả nam thần lẫn nữ thần và được tổ chức như

một triều đình phong kiến, đầy đủ các chức vụ. Một đặc điểm trong tên gọi các vị thần linh là mang tính “phiếm xưng”, không rõ gốc tích như ở miền Bắc. Vì suy cho cùng, tín ngưỡng này gốc không phải ở miền Trung, vả lại, Huế là vùng đất tụ linh, tụ khí, nên các Chư vị thần linh chỉ hiển thánh giúp dân cứu nước. Một điểm tương đồng so với miền Bắc là Chư vị thần linh không chỉ là người Kinh, mà còn thuộc các dân tộc thiểu số. Đây được xem là sợi dây liên kết bền chặt tình đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc ở Việt Nam. Đó cũng là những nét đặc trưng tín ngưỡng thờ Mẫu được biểu hiện qua hệ thống thần linh của người Việt tại vùng đất Thừa Thiên Huế. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Trần Đại Vinh (1995), *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 137.
- 2 Nguyễn Văn Khoa (2013), *Tín ngưỡng thờ Mẫu trong cộng đồng dân cư tổ dân 2, phường Phú Hậu, Thành phố Huế*, Luận văn Thạc sĩ, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tr. 26.
- 3 Từ Thị Loan (chủ biên) – Nguyễn Chí Bền – Vũ Anh Tú (2019), *Giao lưu văn hóa trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, tr. 97.
- 4 Nguyễn Hữu Thông (2000), “Những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu và Chư vị ở Huế”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 41.
- 5 Trần Đại Vinh (2017), “Tín ngưỡng thờ Mẫu và Chư vị ở Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 1 (135), tr. 3.
- 6 Trần Đại Vinh (2017), “Tín ngưỡng thờ Mẫu và Chư vị ở Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 1 (135), tr. 3.
- 7 Quan Thánh đế quân hay Quan Vũ, là một vị tướng nổi tiếng thời kì cuối nhà Đông Hán và thời Tam Quốc ở Trung Quốc. Ông là người có công lớn vào việc thành lập nhà Thục Hán, đến thời nhà Minh được phong tặng danh hiệu: “Tam Giới Phục Ma Đại Đế Thần Uy Viễn Chấn Thiên Tôn Quan Thánh Đế Quân”.
- 8 Trần Đại Vinh (1995), *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 49-50.
- 9 Nguyễn Hữu Thông (2017), “Chính sách an dân từ niềm tin mộ Phật dưới thời các chúa Nguyễn”, *Tập san Liễu quán*, Huế, tr. 27.
- 10 Nguyễn Hữu Thông (2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 47.
- 11 Huỳnh Ngọc Trảng & Nguyễn Đại Phúc (2013), *Đặc khảo về tín ngưỡng thờ gia thần*, Nxb. Văn hóa – Văn Nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 68.
- 12 Nguyễn Hữu Phúc (2019), “Vai trò của vua Đồng Khánh đối với sự phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8, tr. 90.

- 13 Nguyễn Hữu Phúc (2021), “Những nhân tố tác động đến sự hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế”, *Tạp chí Huế Xưa và Nay*, số 163, tr. 63.
- 14 Trong danh mục di sản mà Việt Nam gửi lên UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại chỉ là Tam phủ, mà cụ thể là Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt.
- 15 Hưng Thế Nguyên (1967), *Việt giáo phục hưng – giáo lý cương yếu*, Ủy ban vận động thành lập giáo hội ấn loát và tổng phát hành, Sài Gòn, tr. 38.
- 16 Hưng Thế Nguyên (1967), *Việt giáo phục hưng – giáo lý cương yếu*, Ủy ban vận động thành lập giáo hội ấn loát và tổng phát hành, Sài Gòn, tr. 38.
- 17 Trung thiên là cõi nằm trung gian giữa cõi Thượng Thiên và con người, tương ứng với Phật giáo gọi là cõi Ta bà.
- 18 Trong màu sắc Tứ phủ, màu đỏ đại diện cho cõi Thượng Thiên và màu vàng là cõi Đất, nhưng Thánh Mẫu Thiên Y A Na lại mang sắc phục vàng. Vì màu vàng là màu của vua chúa, mà trong thời kì phong kiến, các vua nhà Nguyễn đều tôn sùng và hết sức kính trọng xem Thánh Mẫu là “Mẹ của muôn dân” nên màu vàng trên y phục của Mẫu cũng tượng trưng có quyền lực tối thượng, đứng đầu của một đất nước.
- 19 Ngai là danh xưng tôn kính của tín đồ Thánh Mẫu để gọi các Thánh.
- 20 Ngô Đức Thịnh (2012), *Đạo thờ Mẫu ở Việt Nam*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, tr. 254.
- 21 Huỳnh Ngọc Trảng & Nguyễn Đại Phúc (2013), *Đặc khảo về tín ngưỡng thờ gia thần*, Nxb. Văn hóa – Văn Nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 83.
- 22 Giá bông mạng là vật phẩm dâng cúng để cầu an của giới nữ trong lễ Thành, giá được làm bằng chất liệu tre và giấy có hình tháp và cổng Tam quan. Theo nghi lễ truyền thống của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế, cứ 3 năm một lần, người phụ nữ sẽ đáo lễ Thành để cầu bình an, tài lộc.
- 23 Điện Phổ Hóa hay Phổ Hóa Cung nằm trên trục đường Bùi Thị Xuân, phường Đức, thành phố Huế. Vào năm 1925, vợ chồng ông Quang Lộc, tự Phan Từ Phong, phát nguyện xây dựng. Họ vốn là người phụng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở Hà Tĩnh, khi đến Huế nhậm chức quan đã tiếp tục việc thờ Mẫu và thiết lập ngôi đền ở gần chùa Bảo Quốc. Đến năm 1939, đền được chuyển đến vị trí như hiện nay. Bài văn bia đề ngày mùng 1 tháng Năm năm Bảo Đại thứ 17 (14/6/1942) kê rõ lai lịch như sau (dịch): “Đệ tử đội ơn là Nguyễn Thị Đào, vợ của ông Quang Lộc tự khanh Phan Từ Phong, kính vâng lời mẹ từ lâu, tấm gôi ơn lành, vào mùa thu năm Ất Sửu, Khải Định thứ 10 (1925) xin phép xuất tiền riêng kính xây dựng đền Thánh ở bên trái chùa Bảo Quốc. Từ đó thiện nam tín nữ có chỗ quy y, lập thành thiện phổ, được ban tên là cung Phổ Hóa (...). Đến mùa hè năm Kỉ Mão (1939), trong khi hầu đồng được giáng mệnh dời thần cung đến cánh đồng Dương Xuân Thượng, nước bọc cồn vây, đất

thiêng khí thoáng, xây dựng lần lượt, chẳng mấy chốc việc thay cũ đổi mới hoàn thành...”. Dẫn lại: Lê Nguyễn Lưu (2012), “Phổ Hóa Cung và hai văn bia”, Tạp chí *Huế Xưa và Nay*, số 112-113, tr. 148.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

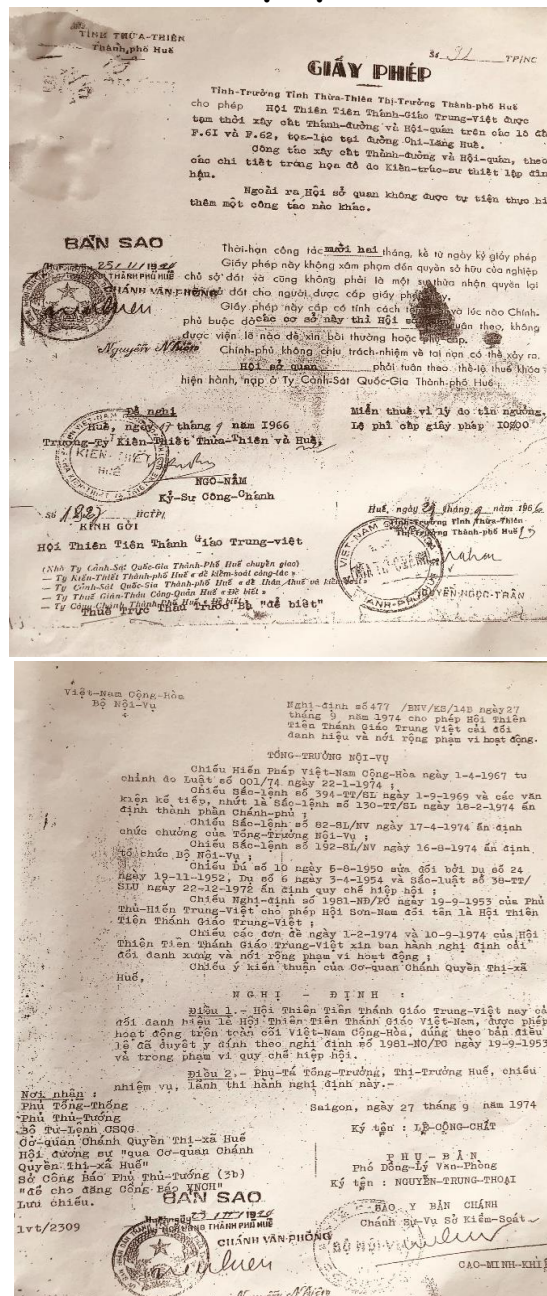
1. Nguyễn Văn Khoa (2013), *Tín ngưỡng thờ Mẫu trong cộng đồng dân cư tổ dân 2, phường Phú Hậu, Thành phố Huế*, Luận văn Thạc sĩ, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
2. Từ Thị Loan (chủ biên) – Nguyễn Chí Bền – Vũ Anh Tú (2019), *Giao lưu văn hóa trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
3. Lê Nguyễn Lưu (2012), “Phổ Hóa Cung và hai văn bia”, Tạp chí *Huế Xưa và Nay*, số 112-113, tr. 145-163.
4. Hưng Thế Nguyên (1967), *Việt giáo phục hưng – giáo lý cương yếu*, Ủy ban vận động thành lập giáo hội ân loát và tổng phát hành, Sài Gòn.
5. Nguyễn Hữu Phúc (2015), *Văn bản hát chầu văn Huế*, bản chép tay được tác giả sưu tầm và ghi chép từ các cung văn của Hội Thánh Mẫu Thừa Thiên Huế.
6. Nguyễn Hữu Phúc (2019), “Vai trò của vua Đồng Khánh đối với sự phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8, tr. 88-105.
7. Nguyễn Hữu Phúc (2021), “Những nhân tố tác động đến sự hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế”, Tạp chí *Huế Xưa và Nay*, số 163, tr. 58-70.
8. Ngô Đức Thịnh (2012), *Đạo thờ Mẫu ở Việt Nam*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
9. Nguyễn Hữu Thông (2000), “Những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu và Chư vị ở Huế”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 36-43.
10. Nguyễn Hữu Thông (2017), “Chính sách an dân từ niềm tin mộ Phật dưới thời các chúa Nguyễn”, *Tập san Liễu quán*, Huế, tr. 26-31.
11. Nguyễn Hữu Thông (2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
12. Huỳnh Ngọc Trảng & Nguyễn Đại Phúc (2013), *Đặc khảo về tín ngưỡng thờ gia thần*, Nxb. Văn hóa – Văn Nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
13. Trần Đại Vinh (1995), *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
14. Trần Đại Vinh (2017), “Tín ngưỡng thờ Mẫu và Chư vị ở Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 1 (135), tr. 3-14.

Abstract**WORSHIP OF MOTHER GODDESSES - FOUR PALACES IN
THỪA THIÊN HUẾ: VIEWPOINT FROM DIVINE SYSTEM
OF THIÊN TIÊN RELIGION****Nguyen Huu Phuc***Thua Thien Hue Association of Historical Scientists*

The worship of Mother Goddesses - Four Palaces and the ritual of votive dance is one of the religious activities with strong vitality that has experienced many vicissitudes of people in Thừa Thiên Huế. The Mother Goddesses worship in Huế has received the Mother Goddesses worship of the North along with the influences from cultural exchange and acculturation of the Vietnamese, the Cham, the Chinese and the participation of the Nguyễn kings to form the Thiên Tiên religion. It can be said that the Thiên Tiên religion is a spiritual organization of the Central region in general and Huế in particular and it has unique characteristics compared to the Mother Goddesses worship in other regions. This difference can be recognized from the divine system on the shrine and the rituals of votive dance. The article presents the divine system of the Thiên Tiên religion to clarify the characteristics of Mother Goddesses worship in Huế.

Keywords: Divine; Mother Goddesses worship; Thiên Tiên Religion; Huế.

PHỤ LỤC



Hình ảnh giấy phép xây dựng Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo (bên trái) và Nghị định chuyển đổi danh xưng Hội Thiên Tiên Thánh giáo Việt Nam (bên phải). Ảnh tác giả sưu tập



Hình ảnh Nội Cung (trên) và Lễ cung nghinh Thánh Mẫu tại Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo (dưới). Ảnh tác giả



Hình ảnh ban thờ Quan Công tại điện Huệ Nam. Ảnh tác giả



Hình ảnh Thánh Mẫu Thiên Y A Na được thờ tại điện Huệ Nam. Ảnh tác giả



Hình ảnh Mẫu Thủy Cung và hai quan cai quản miền sông nước. Ảnh Tác giả
Bản ngày lễ vía hàng năm do Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo Trung nguyên Trung phần quy định

Tháng giêng	Mùng 8-9	Vía Ngọc Hoàng thượng đế
	Ngày 15	Rằm Thượng nguyên
	Ngày 17-18	Vía Mẫu Thượng Ngàn
Tháng hai	Ngày 19	Vía Phật Quan Thế Âm
	Ngày 21-22	Vía Mẫu Thủy Cung Xích Lô Tiên Nữ
	Ngày 26	Vía Đức Đệ Tam Cung Hoàng Thái tử
Tháng ba	Ngày 2-3	Húy nhật Đức Văn Hương Thánh Mẫu
	Ngày 5-6	Vía sinh nhật Đức Văn Hương Thánh Mẫu
	Ngày 15	Vía Mai Hoa Công chúa và Tử Hoa Công chúa
	Ngày 18	Vía Thượng Ngàn Sơn Tinh Thánh Mẫu
	Ngày 23	Vía Thiên Hậu Thánh Mẫu
Tháng tư	Ngày 1-2	Vía Đệ Nhị Văn Hương Thánh Mẫu
	Ngày 5	Vía Đào Hoa Công chúa
	Ngày 15	Vía Đức Ông Đệ Nhất và Đệ Nhị Thủy cung
	Ngày 17-18	Vía Đức Thiên Y Thánh Mẫu
	Ngày 22	Vía Thập Điện Minh Vương
Tháng năm	Ngày 5	Vía 5 Đức Bà Ngũ Hành và 2 Đức Ông
	Ngày 13	Vía Đức Linh Hầu Thái Tử
	Ngày 6	Vía Quan Hoàng Đệ Tam Thái Minh và vía Quan Tam vị Phụ quốc

Tháng sáu	Ngày 15	Vía Thiên Tào bốn mạng
	Ngày 18	Vía Ngũ vị Thánh Bà
	Ngày 19	Vía Quan Thế Âm thành đạo
	Ngày 23-24	Vía Đức Quan Thánh đế quân
	Ngày 25	Vía Đức Ông Đệ Ngũ Thủy cung
Tháng bảy	Ngày 15	Vía Trung nguyên và Vu lan
	Ngày 17	Vía Đức Bạch Ba Công chúa
	Ngày 18	Vía Bạch Ngọc Hồ Trung Thủy Cung Thánh Mẫu
Tháng tám	Ngày 2	Vía Thủy giới Long cung chư vị thánh Bà Thủy phủ
	Ngày 14	Vía Đệ Tam Vân Hương Thánh Mẫu
	Ngày 15	Vía Trung thu và Thượng Thiên Nhị vị Tôn Ông
	Ngày 20	Vía Đức Thánh Trần Hưng Đạo
	Ngày 21-22	Vía Vua Bắc Hải Động Đình đế quân
	Ngày 23-24	Vía Trung Thiên Chư vị và Ngoại càn chư vị Tiên bà
Tháng 9	Ngày 7	Vía Thượng Ngàn Đệ Nhất Khâm sai Công chúa
	Ngày 9	Vía Mẫu Cửu Trùng
	Ngày 15	Vía Mai Hoa và Quê Hoa Công chúa
	Ngày 19	Vía Phật Quan Âm và Đào Nguyên Công chúa, Thượng Ngàn chư vị Công tử
Tháng mười	Ngày 5	Vía Thủy phủ Long Cung Thánh Mẫu
	Ngày 8	Vía Tây cung Vương Mẫu
	Ngày 15	Vía Hạ nguyên
	Ngày 30	Vía Đức Châu Thượng đại tướng quân
Tháng mười một	Ngày 17	Vía Phật A Di Đà và Đức Ngự Tân Quân Công chúa
Tháng mười hai	Ngày 14	Vía Đức Quan Thánh đế quân Thiên triều
	Ngày 12	Vía Thủy phủ ngũ vị Hoàng tử
	Ngày 13	Vía Bồ Bồ chúa động và Thủy tinh thánh nữ
	Ngày 21	Vía Thượng Thiên Ngự vị Khâm sai Hành sai Tiên Cô
	Ngày 23	Vía chư thần thiên triều

Nguồn: Hội Thánh Mẫu Thừa Thiên Huế

Lịch này do Tổng Hội Thiên Tiên Thánh giáo Trung Nguyên qui định. Các trung tâm chính hành lễ theo lịch này, còn các điện, đền, am, cảnh (tư nhân) chỉ thực hiện những ngày vía chính, các ngày khai bàn, tạ bàn, hỷ nhật Ngai Thủ Điện, cúng lễ, chữa bệnh,... thì thường coi ngày tốt xấu để hành lễ.